

Bản án số: **378/2022/DS-ST**

Ngày: 28-9-2022

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Chinh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phan Thị Diệu Hoa;
2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Kiều Oanh – Thư ký Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Diệu Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 65/2022/TLST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2022 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 639/2022/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 732/2022/QĐST-DS ngày 09 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Huỳnh Thị Ngọc T, sinh năm 1965; HKTT: Khu phố B, Phường H, thành phố T, tỉnh Tây Ninh;

Người đại diện theo ủy quyền của bà T: Ông Trịnh Minh T, sinh năm: 1985; địa chỉ: 1061 P, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền số 000535, quyền số 02 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 23/02/2021).

**- Bị đơn:** Bà Trần Thị M; Địa chỉ: 80Đ L, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(*Tại phiên tòa: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt; bị đơn có đơn xin vắng mặt*).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/02/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ngọc T do ông Trịnh Minh T làm người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Do có mối quan hệ họ hàng quen biết nên quá trình làm ăn bà T thường xuyên cho bà M vay mượn tiền. Ngày 24/5/2017, bà T có cho bà Trần Thị M vay số tiền 1.000.000.000 đồng. Khi vay tiền, hai bên có lập Giấy mượn tiền ngày 24/5/2017, với nội dung:

«*Bà M có mượn bà T số tiền 1.000.000.000 đồng, mượn trong vòng 12 tháng*».

Lãi suất hai bên tự thỏa thuận là 2%/tháng tức là 20.000.000 đồng tiền lãi/tháng (không ghi trong giấy mượn tiền).

Sau khi vay tiền, bà M có trả cho bà T số tiền lãi cụ thể như sau:

- Từ tháng 6/2017 đến tháng 12/2017: 07 tháng x 20.000.000 đồng = 140.000.000 đồng.

- Từ tháng 01/2018 đến tháng 12/2018: 12 tháng x 20.000.000 đồng = 240.000.000 đồng.

- Ngày 10/01/2020: 60.000.000 đồng.

Tổng cộng tiền lãi bà T đã nhận của bà M là 440.000.000 đồng.

Từ sau ngày 10/01/2020 đến nay, bà M cố tình né tránh không thanh toán tiền gốc, lãi cho bà T. Bà T đã nhiều lần liên hệ yêu cầu bà M trả nợ nhưng bà M vẫn không trả.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân quận T buộc bà Trần Thị M trả cho bà Huỳnh Thị Ngọc T số tiền gốc là 1.000.000.000 (một tỷ) đồng, trả một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật và không yêu cầu trả tiền lãi.

Nguyên đơn xác nhận số tiền 1.000.000.000 đồng dùng để cho bà M vay mượn là tiền riêng của nguyên đơn và việc vay mượn chỉ có một mình bà M vay, không liên quan tới người thân của bà M nên nguyên đơn chỉ yêu cầu bà M trả nợ.

*Bị đơn, bà Trần Thị M có bản tự khai trình bày như sau:*

Bà xác nhận có vay của bà Huỳnh Thị Ngọc T 01 lần số tiền là 1.000.000.000 (một tỷ) đồng. Từ năm 2017 đến năm 2020 bà M có trả tiền lãi cho bà T được 03 lần với tổng số tiền lãi là 440.000.000 đồng như nguyên đơn trình bày. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà trả 1.000.000.000 (một tỷ) đồng tiền nợ gốc, không yêu cầu trả lãi, bà đồng ý. Nhưng bà M yêu cầu bà T cho bà thời gian trả nợ là cuối năm 2024, bà sẽ trả hết nợ.

***Tại phiên tòa hôm nay:***

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Thị M phải trả số tiền gốc là 1.000.000.000 (một tỷ) đồng, không yêu cầu trả lãi. Yêu cầu bị đơn thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

+ *Về việc tuân theo pháp luật:* Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đều tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án theo quy định tại Điều 48, Điều 51, Điều 63, Điều 203, từ Điều 239 đến Điều 267 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ *Về nội dung vụ án:* Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa hôm nay, thể hiện: Bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền gốc là 1.000.000.000 đồng. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền gốc là 1.000.000.000 đồng, yêu cầu thanh toán một lần và không yêu cầu trả lãi là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466, Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến tranh luận và nghe ý kiến trình bày của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

*[1]. Về quyền khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

*- Về quyền khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

Xét đơn khởi kiện đề ngày 23/02/2021 của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án. Bị đơn cư trú tại quận T nên Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

*- Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn:* Ngày 12/9/2022, bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

*[2]. Về yêu cầu của các đương sự:*

*- Về yêu cầu thanh toán số tiền gốc 1.000.000.000 đồng:*

Xét, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền gốc là 1.000.000.000 đồng, bị đơn xác nhận còn nợ nguyên đơn số tiền gốc 1.000.000.000 đồng và đồng ý thanh toán số tiền nợ trên cho nguyên đơn. Như vậy, có cơ sở khẳng định giữa nguyên đơn và bị đơn có xác lập giao dịch dân sự về hợp đồng vay tài sản là sự thật. Căn cứ vào Điều 93 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền gốc 1.000.000.000 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc không yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi do chậm thanh toán.

*- Về thời hạn và phương thức thanh toán:*

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Bị đơn đề nghị sẽ thanh toán hết cho nguyên đơn vào năm 2024. Đây là vấn đề tranh chấp cần xem xét.

Hội đồng xét xử xét thấy bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn đã lâu nhưng bị đơn vẫn chưa thanh toán. Nay bị đơn cho rằng kinh tế đang gặp khó khăn nên đề nghị nguyên đơn cho gia hạn trả nợ đến năm 2024 sẽ thanh toán hết nợ là không có cơ sở chấp nhận bởi lẽ, đề nghị này là gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán một lần ngay khi án có hiệu lực là có cơ sở chấp nhận.

*[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn là 1.000.000.000 đồng, tương ứng với số tiền án phí là 42.000.000 đồng.

Tuy nhiên, bị đơn là người cao tuổi và có đơn yêu cầu miễn, giảm án phí nên được xem xét miễn giảm án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do đó, bị đơn không phải chịu án phí.

Hoàn lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí là 21.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0072091 ngày 11/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 93; khoản 1 Điều 147; Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### **Tuyên xử:**

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ngọc T.

Buộc bà Trần Thị M có trách nhiệm thanh toán cho bà Huỳnh Thị Ngọc T số tiền là 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng.

Thời hạn thanh toán: Một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành chưa thi hành khoản tiền nêu trên phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại Điều 357, khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trần Thị M là người cao tuổi và có đơn yêu cầu miễn giảm án phí nên được xem xét miễn giảm án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Hoàn lại cho Huỳnh Thị Ngọc T số tiền tạm ứng án phí 21.000.000 đồng (Hai mươi một triệu đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0072091 ngày 11/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3/ Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q. T;
- Chi cục THADS Q. T;
- Lưu VP, hồ sơ (Oanh)/.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(ĐÃ KÝ)**

**Trần Văn Chính**